

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 5 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Duy Q trình bày:

Anh Q và chị N được mai mối rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình anh Q, cùng đi ghe với ba mẹ anh Q và sống chung hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu

thuần nguyên nhân do anh Q có bạn gái bên ngoài nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và mâu thuẫn từ đó, anh Q có đánh chị N và chị N cũng có đánh anh Q. Do bạn gái lăng nhăng, đứa bé không phải là con của anh Q nên không còn qua lại từ năm 2018 đến nay. Anh Q về hàn gắn lại với chị N nhưng vợ chồng không hạnh phúc nên từ năm 2019 anh Q đi xà lan, không sống chung với ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc nên anh Q yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Bá P, sinh ngày 14/9/2005, cháu P bị bại não bẩm sinh và hiện đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của anh Q, chị N cũng có đến gia đình anh Q chăm sóc con chung. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh Q đi làm thuê trên xà lan, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Số vàng cưới anh Q không rõ, về số vàng anh Q làm có được thì anh Q giao cho chị Ngọc g như chị N trình bày gồm 05 (năm) chỉ vàng 24kra 9999 và 01 nhẫn vàng 18kra (không biết tuổi) trọng lượng hơn 01 (một) chỉ. Việc chị N giao vàng với mẹ anh Q thì anh Q không biết. Anh Q thống nhất để số vàng trên lại cho con, không có yêu cầu chia tài sản.

Bị đơn Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị N và anh Q được mai mối rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 11/10/2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên chồng, cùng đi ghe với ba mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Q muốn ly hôn và sống chung với người phụ nữ khác. Ba mẹ chồng thấy vậy đã bán ghe và anh Q bỏ nhà đi không sống chung với nhau nữa. Đến năm 2018, anh Q trở về sống chung với chị N được 01 năm và thừa nhận với chị N là anh Q có con riêng bên ngoài, đề nghị chị N cấp dưỡng cho bé đó mỗi tháng 2.000.000 đồng, chị N có đến nhà giao tiền được 01 lần, những lần khác thì anh Q thực hiện. Đến cuối năm 2019, anh Q bỏ đi sống với người phụ nữ đó, chị N bắt gặp tại nhà trọ, có báo chính quyền địa phương nhưng không có lập biên bản, người phụ nữ đó hứa không qua lại với anh Q và chị N về nhà mẹ ruột sống, anh Q thì đi làm ăn và vẫn còn qua lại với người phụ nữ đó. Từ khi không còn sống chung thì anh Q không muốn hàn gắn tình cảm với chị N, chấm dứt liên lạc với chị N. Nay anh Q yêu cầu ly hôn, chị N không thống nhất ly hôn vì chị N không muốn con chị N phải mất đi tình thương của cha hoặc mẹ.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Bá P, sinh ngày 14/9/2005. Cháu P bị bệnh bại não, đi lại khó khăn, phải ngồi xe lăn, cần có người chăm sóc, học hết lớp 9 thì phải nghỉ học. Hiện nay cháu P đang sống cùng gia đình anh Q, chị N đang ở nhà cha mẹ ruột, cách nhà cha mẹ chồng không xa nên cũng thường xuyên ghé thăm cháu P. Chị N chấp nhận để anh Q nuôi con, vì điều kiện của chị N không có nhà ở, việc làm thu nhập không ổn

định. Do anh Q có con riêng nên để chắc chắn cuộc sống của con thì anh Q phải để lại tài sản để đảm bảo cuộc sống của con chung.

Về tài sản chung: Vàng cưới của vợ chồng là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24kra 9999, anh Q làm có được 05 (năm) chỉ vàng 24kra 9999 và 01 nhẫn vàng 18kra (không biết tuổi) trọng lượng hơn 01 (một) chỉ, tất cả số vàng này đều giao cho cha mẹ chồng chị N là ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị Đ, cùng ngụ tại ấp L, L B quản lý. Số vàng này chị N không yêu cầu chia, mà yêu cầu để lại cho con chung Nguyễn Bá P. Ngoài ra chị N cũng có làm đơn nhưng chưa nêu rõ yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:
Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy Q. Cho anh Nguyễn Duy Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Anh Nguyễn Duy Q giao cho chị Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bá P, sinh ngày 14/9/2005.

2.2. Anh Nguyễn Duy Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng; mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống được.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy Q chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004065 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Buộc Nguyễn Duy Q chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Các ngày 07/3/2023 và ngày 17/3/2023, chị Nguyễn Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Chị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

1. Xem xét lại bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận cho anh **Nguyễn Duy Q** được ly hôn với chị **N** là không phù hợp với quy định pháp luật (Vì anh **Q** vi phạm chế độ một vợ một chồng).
2. Anh **Nguyễn Duy Q** và gia đình anh **Q** trả lại tài sản vàng cưới và những đóng góp của chị **N** trong thời kì hôn nhân số tiền là 500.000.000 đồng.
3. Anh **Nguyễn Duy Q** thực hiện nghĩa vụ đối với con chung **Nguyễn Bá P**, yêu cầu anh **Q** và gia đình anh **Q** chia cho con chị **N** được thừa kế một phần đất (một nền nhà để ở) và một số tiền gửi tiết kiệm là 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị **Nguyễn Thị Kim N** không rút kháng cáo nhưng thay đổi một phần kháng cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu anh **Q** và gia đình anh **Q** trả lại tài sản vàng cưới và những đóng góp của chị **N** trong thời kì hôn nhân số tiền là 500.000.000 đồng và kháng cáo yêu cầu anh **Q** thực hiện nghĩa vụ đối với con chung **Nguyễn Bá P**, yêu cầu anh **Q** và gia đình anh **Q** chia cho con chị **N** được thừa kế một phần đất (một nền nhà để ở) và một số tiền gửi tiết kiệm là 400.000.000 đồng thì chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị **N** kháng cáo yêu cầu không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh **Q**, bởi chị **N** không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh **Q**, chị **N** và anh **Q** vẫn còn tình cảm với nhau. Về con chung, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung **Nguyễn Bá P**, sinh ngày 14/9/2005 cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là không phù hợp, do chị **N** không có việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập và không có nơi ở ổn định, con chung bị bại não, liệt toàn thân, mọi sinh hoạt phải có người trợ giúp; chị **N** đồng ý giao con chung **Nguyễn Bá P** cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **N** không cấp dưỡng cho con.

Anh **Nguyễn Duy Q** không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị **N** bởi anh **Q** không còn tình cảm với chị **N**. Khi ly hôn, anh **Q** đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Bá P**, sinh ngày 14/9/2005, anh **Q** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng cho con (con chung đang do anh **Q** chăm sóc, nuôi dưỡng).

Cháu **Nguyễn Bá P** trình bày: Cháu **P** là con chung của anh **Nguyễn Duy Q** và chị **Nguyễn Thị Kim N**. Cháu **P** bị khuyết tật ở chân nên việc đi lại khó khăn, do vậy học hết lớp 9 cháu **P** phải nghỉ học. Hiện cháu **P** đang sống chung với cha là anh **Q** và ông bà nội của cháu. Trường hợp cha mẹ cháu **P** ly hôn thì cháu **P** có nguyện vọng được sống chung với cha là anh **Q**, không yêu cầu mẹ là chị **N** cấp dưỡng cho cháu **P**.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Kim N** nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị **N** không yêu cầu anh **Q** và gia đình anh **Q** trả lại tài sản vàng cưới và những đóng góp của chị **N** trong thời kì hôn nhân số tiền

là 500.000.000 đồng; không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ đối với con chung, không yêu cầu anh Q và gia đình anh Q chia cho con chị N được thừa kế một phần đất (một nền nhà để ở) và một số tiền gửi tiết kiệm là 400.000.000 đồng trong vụ án này nên không xem xét.

Về hôn nhân thì Tòa án cấp sơ thẩm cho anh Q được ly hôn chị N là có căn cứ nên việc chị N kháng cáo không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q là không có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N và anh Q thống nhất giao con chung Nguyễn Bá P, sinh ngày 14/9/2005 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng (cháu P đang do anh Q nuôi dưỡng) và cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với anh Q. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim N, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim N nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đối với kháng cáo yêu cầu anh Q và gia đình anh Q trả lại tài sản vàng cưới và những đóng góp của chị N trong thời kỳ hôn nhân số tiền là 500.000.000 đồng và kháng cáo yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ đối với con chung Nguyễn Bá P, yêu cầu anh Q và gia đình anh Q chia cho con chị N được thừa kế một phần đất (một nền nhà để ở) và một số tiền gửi tiết kiệm là 400.000.000 đồng thì chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Duy Q tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2003, đến ngày 26/9/2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 88 đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh Q có nhiều năm chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, từ việc anh Q thiếu chung thủy đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và ly thân. Năm 2018 anh Q và chị N có trở lại sống chung với

nhau nhưng sống chung không hạnh phúc nên anh Q bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Từ ngày vợ chồng ly thân, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không liên lạc với anh Q để gắn kết tình cảm vợ chồng. Mặt khác việc chị N không đồng ý ly hôn với anh Q là vì chị N không muốn con chị N phải mất đi tình thương của cha mẹ (bút lục 42) chứ không xuất phát từ tình nghĩa vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N trình bày lý do chị N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q là vì chị N và anh Q vẫn còn tình cảm với nhau nhưng lời trình bày của chị N không được anh Q thừa nhận mà cho rằng anh Q không còn tình cảm với chị N và yêu cầu Tòa án cho anh Q được ly hôn chị N. Từ những căn cứ trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa N và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm cho anh Nguyễn Duy Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim N là có căn cứ. Do vậy kháng cáo của chị N yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Q không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung:

[5.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N và anh Q thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị N và anh Q thống nhất giao con chung Nguyễn Bá P, sinh ngày 14/9/2005 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng (cháu P đang do anh Q nuôi dưỡng), cháu P có nguyện vọng được sống chung với anh Q. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật.

[5.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên không phải chịu án phí về cấp dưỡng cho con.

[7] Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim N, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 308, Điều 300, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị **Nguyễn Thị Kim N**.

Sửa bản án sơ thẩm số: 14/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Duy Q**. Cho anh **Nguyễn Duy Q** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Kim N**.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung **Nguyễn Bá P**, sinh ngày 14/9/2005 cho anh **Nguyễn Duy Q** trực tiếp nuôi dưỡng (cháu **P** đang do anh **Q** nuôi dưỡng).

2.2. Anh **Q** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng cho con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh **Nguyễn Duy Q** chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004065 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị **Nguyễn Thị Kim N** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004302 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng GĐKTNV-THA TAT;
- UBND xã Long Khánh B,
Huyện Hồng Ngự;
- Lưu: VT, HS (Minh).

Hằng

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy